

Số: 01/2022/QĐST-DS

TY, ngày 12 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: số 89 LH, phường Láng Hạ, quận ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông X; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Y; chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ pháp lý (theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020).

Người được ủy quyền lại của ông Y:

+ Ông Z1; chức vụ - Trưởng Bộ phận xử lý nợ - VPBank; địa chỉ: Ngân hàng A – chi nhánh Quảng Ninh – số 12 đường 25/4, phường BĐ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

+ Ông Z2; chức vụ - chuyên viên xử lý nợ - VPBank; địa chỉ: Ngân hàng A – chi nhánh Quảng Ninh – số 12 đường 25/4, phường BĐ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

(Theo Văn bản ủy quyền v/v nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án số 1483/2022/UQ-LCC-KHCN2, ngày 28/6/2022 của Ngân hàng A).

- Bị đơn: ông P – sinh năm 1966; địa chỉ: số nhà 102, phố Thống Nhất, thị trấn TY, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng A (Viết tắt là Ngân hàng) cho anh P vay và đã giải ngân số tiền 6.783.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu tỷ bảy trăm tám mươi ba triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng, trong đó gồm: theo Hợp đồng cho vay số LN2011173029263 ngày 24/11/2020 với số tiền vay là 6.683.000.000 đồng; và theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử (Viết tắt là Nợ thẻ tín dụng) ngày 13/11/2020 với số tiền vay là 100.000.000 đồng.

Tính đến hết ngày 04/7/2022, anh P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 8.387.821.973 đồng (bằng chữ: Tám tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng); trong đó,

- Đối với khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2011173029263 ngày 24/11/2020: nợ gốc là 6.683.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 58.029.532 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.393.013.322 đồng; nợ lãi chậm trả là 102.387.663 đồng;

- Đối với khoản nợ thẻ tín dụng ngày 13/11/2020 tổng dư nợ là 151.391.456 đồng.

2.2. Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Toà án ra Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự (ngày 12/7/2022), anh P có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 04/7/2022 cho Ngân A, cụ thể tổng số tiền nợ là 8.387.821.973 đồng (bằng chữ: Tám tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng); trong đó, nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số LN2011173029263 ngày 24/11/2020 là 6.683.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 58.029.532 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.393.013.322 đồng; nợ lãi chậm trả là 102.387.663 đồng; nợ thẻ tín dụng ngày 13/11/2020 là 151.391.456 đồng.

Kể từ ngày 05/7/2022 anh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN2011173029263 ngày 24/11/2020 và nợ thẻ tín dụng ngày 13/11/2020 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Toà án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi anh P thanh toán xong khoản nợ.

Hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày Toà án ra Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự (ngày 12/7/2022) mà anh P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp

để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 10721, quyền số 01.2020.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/11/2020 tại Văn phòng Công chứng Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh là:

- 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 196, Tờ bản đồ số: 68, diện tích: 96.8 m²; địa chỉ thửa đất: Phố Thống Nhất, thị trấn TY, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 499160, số vào sổ cấp GCN: CH01072 do UBND huyện TY, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31/08/2020 cho anh P.

Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh P phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2.3. Về án phí:

- Anh P tự nguyện chịu 58.194.000 đồng (Năm mươi tám triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí 57.677.000 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012057 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.

Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng tự chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Độ